

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



NGUYỄN THỊ HẰNG

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN NAM
VẬN ĐỘNG VIÊN CỜ VUA LÚA TUỔI 11 - 12
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên ngành: Giáo dục học

Mã ngành: 9140101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

- **Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội**
- **Một số Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội**
- **Một số Câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

2. PGS.TS. Ngô Trang Hưng

Phản biện 1:

PGS.TS. Châu Vĩnh Huy - Trường ĐHSP TDTT TP HCM

Phản biện 2:

PGS.TS. Bùi Ngọc - Viện VH, NT, TT và DL Việt Nam

Phản biện 3:

GS.TS. Nguyễn Đại Dương - Trường ĐHSP TDTT Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, họp tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

1. MỞ ĐẦU

Qua tìm hiểu thực tiễn công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua ở một số Câu lạc bộ Cờ Vua và Trung tâm TDTT trên địa bàn Hà Nội cho thấy, các HLV chủ yếu chỉ căn cứ vào kết quả học tập văn hoá, kết quả thi đấu của VĐV tại một số giải thi đấu, đồng thời dựa theo kinh nghiệm của các nhà chuyên môn. Vì thế, nếu như xây dựng được một quy trình tuyển chọn - huấn luyện VĐV Cờ Vua trẻ, cũng như xây dựng được hệ thống các tiêu chí và tiêu chuẩn tuyển chọn một cách hợp lý, có đầy đủ cơ sở khoa học, đồng thời vấn đề này phải được tiến hành một cách có hệ thống, và có hướng đầu tư chiến lược thì chắc chắn rằng thành tích đạt được của Cờ Vua Hà Nội sẽ được cải thiện một cách đáng kể. Chính vì vậy, đề tài luận án: **“Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”** được xác định là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Mục đích nghiên cứu: Thông qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tuyển chọn VĐV Cờ Vua, luận án tiến hành lựa chọn các tiêu chí, từ đó xây dựng và kiểm nghiệm trong thực tiễn tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo - huấn luyện VĐV.

Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu 1. Đánh giá thực trạng và xác định hệ thống các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mục tiêu 2. Xác định đặc điểm và mối quan hệ giữa các nhóm test ứng dụng trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mục tiêu 3. Xây dựng và ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đối tượng và khách thể nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu.

Khách thể nghiên cứu

Luận án tiến hành nghiên cứu trên các nhóm đối tượng chủ yếu sau:

Nhóm chuyên gia phỏng vấn: Gồm 30 chuyên gia, HLV, giảng viên. Đây là nhóm đối tượng khảo sát về thực trạng ứng dụng nhóm các tiêu chí và lựa chọn các nội dung, tiêu chí tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nhóm kiểm tra sự phạm: Gồm 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDTT, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là đối tượng tham gia vào quá trình kiểm tra sự phạm và tâm lý nhằm xác định độ tin cậy, tính thông báo của các test lựa chọn; đồng thời xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Nhóm kiểm chứng: Gồm 100 nam VĐV Cờ Vua thuộc các Trung tâm TDTT, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là đối tượng khách thể nghiên cứu được sử dụng trong quá trình ứng dụng (kiểm chứng trong thực tiễn) nhằm xác định hiệu quả tuyển chọn thông qua các test và các tiêu chuẩn đã xây dựng.

Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu về các nội dung, tiêu chuẩn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về không gian nghiên cứu: Luận án được tiến hành trong phạm vi các Trung tâm TDTT có đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về thời gian nghiên cứu: Các thông tin, số liệu phản ánh trong luận án chủ yếu tập trung trong khoảng thời gian từ năm 2020 cho đến nay. Các số liệu khảo sát và kiểm tra sự phạm được tập trung phản ánh vào thời điểm các năm 2023, 2024 và 2025.

Quy mô nghiên cứu bao gồm:

- Số lượng chuyên gia phỏng vấn, hội thảo: Gồm 30 người.
- Số lượng nhóm kiểm tra sự phạm: Gồm 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Số lượng nhóm kiểm chứng sự phạm: Gồm 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

1. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội còn nhiều hạn chế nhất định về hình thức và phương pháp tuyển chọn, trong đó có đến 60.00% các đơn vị vẫn sử dụng phương pháp tuyển chọn qua kết quả học tập văn hóa và kết quả thi đấu kết hợp với kinh nghiệm của các nhà chuyên môn. Qua các bước nghiên cứu chặt chẽ, luận án đã xác lập được hệ thống gồm 18 test chuyên môn đặc trưng thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần: năng lực trí tuệ và năng lực chuyên môn đảm đủ bảo độ tin cậy, có giá trị thông báo cao ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn chuyên môn hóa sâu, bao gồm: 1) Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test; 2) Nhóm yếu tố chuyên môn: 13 test.

2. Hai nhóm yếu tố được lựa chọn nêu trên cho phép xác nhận bản chất tác động và ảnh hưởng của từng nhóm tới mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các nhóm yếu tố này có tỷ trọng ảnh hưởng giống nhau theo lứa tuổi của VĐV, trong đó nhóm yếu tố năng lực chuyên môn có mức độ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu lớn hơn so với các nhóm yếu tố năng lực chuyên môn. Mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần đã được xác định và kiểm nghiệm trong thực tiễn công tác tuyển chọn, huấn luyện và kiểm tra - đánh giá của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đảm bảo đủ độ tin cậy cần thiết.

3. Luận án đã xây dựng được 02 bảng phân loại, 02 bảng điểm tổng hợp theo từng test và 01 bảng điểm tổng hợp xếp loại trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần. Các tiêu chuẩn đã xây dựng cho phép đánh giá thuận tiện, chính xác và khách quan mức độ biểu hiện năng khiếu trong tuyển chọn ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Các tiêu chuẩn tuyển chọn do luận án nghiên cứu hoàn toàn có sự khác biệt đáng kể (ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$) so với tiêu chuẩn hiện hành do các CLB Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng và áp dụng.

3. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án được trình bày trong 134 trang A4 bao gồm: Phần mở đầu (9 trang); Chương 1: Tổng quan các vấn đề nghiên cứu (41 trang); Chương 2: Phương pháp và tổ chức nghiên cứu (16 trang); Chương 3: Kết quả nghiên cứu và bàn luận (66 trang); phần kết luận và kiến nghị (2 trang). Trong luận án có 32 biểu bảng, 04 biểu đồ minh họa. Ngoài ra, luận án đã sử dụng 110 tài liệu tham khảo, trong đó có 73 tài liệu bằng tiếng Việt, 15 tài liệu bằng tiếng Anh, 18 tài liệu bằng tiếng Nga, 04 tài liệu bằng tiếng Trung và phần phụ lục.

B. NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Một số khái niệm có liên quan

Năng khiếu thể thao môn Cờ Vua: Năng khiếu thể thao môn Cờ Vua là sự kết hợp đặc biệt về chất những đặc điểm tâm - sinh lý, đặc biệt là đặc điểm của năng lực tư duy và một số năng lực chuyên môn phù hợp của từng cá thể, trên cơ sở đó có thể đạt thành tích thể thao ở môn Cờ Vua.

Tuyển chọn thể thao: Tuyển chọn là tìm và chọn những cá nhân đáp ứng được tốt nhất với những yêu cầu của một loại hình hoạt động nhất định (của một môn thể thao). Tuyển chọn thể thao (tuyển chọn VĐV) là một quá trình dự báo, quá trình nghiên cứu khoa học, được tiến hành một cách tổng hợp. Quá trình này nhằm tìm kiếm tài năng thể thao thông qua sự phức tạp nhiều thành phần của tài năng nói chung và tài năng thể thao nói riêng.

1.2. Cơ sở lý luận về tuyển chọn vận động viên môn Cờ Vua

Tuyển chọn về năng khiếu Cờ Vua là một quá trình sử dụng các phương pháp về sư phạm, về xã hội và tâm lý - y sinh nhằm phát hiện các tư chất năng khiếu của các VĐV và đào tạo. Nhiệm vụ cơ bản và chủ yếu của tuyển chọn là nghiên cứu một cách toàn diện để phát hiện các tư chất, năng khiếu phù hợp với yêu cầu môn Cờ Vua. Năng khiếu Cờ Vua phụ thuộc rất lớn vào những tư chất mang tính di truyền có đặc điểm ổn định, ít thay đổi. Trong thực tiễn, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua thông thường áp dụng các hình thức sau: 1) Thông qua các giải đấu; 2) Qua kinh nghiệm của HLV; 3) Thông qua các lớp Cờ Vua nghiệp dư; 4) Căn cứ vào kết quả các môn học tự nhiên.

1.3. Xu hướng trong tuyển chọn tài năng thể thao môn Cờ Vua và đặc điểm quy trình huấn luyện nhiều năm môn Cờ Vua

Tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua được nghiên cứu theo hai hướng chính: một là xây dựng những cơ sở lý luận trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua; hai là xác định các phương pháp có hiệu quả để phát hiện năng khiếu và dự báo tài năng môn Cờ Vua. Tuyển chọn VĐV Cờ Vua được dựa trên cơ sở những nguyên tắc tuyển chọn dài hơi và nguyên tắc đồng bộ, đồng thời phải xem xét đến nhiều yếu tố thành phần khác nhau như: yếu tố tâm lý, thể lực và yếu tố chuyên môn... Tuy nhiên, do đặc thù của môn Cờ Vua đòi hỏi VĐV phải có đầy đủ các yếu tố về tư duy, thể lực cũng như các yếu tố về tâm lý, do đó để tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ, cần thiết phải tìm kiếm sự phối hợp ổn định của tất cả các nhóm yếu tố thành phần nêu trên.

1.4. Quy trình tuyển chọn vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch và ra thông báo tuyển chọn.
- Bước 2: Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển, lập danh sách VĐV.
- Bước 3: Thành lập Hội đồng tuyển chọn.
- Bước 4: Xét chọn hồ sơ VĐV dự tuyển theo các tiêu chí quy định.
- Bước 5: Tổ chức thi đấu tuyển chọn (nếu cần); hoặc tiến hành kiểm tra các VĐV theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển chọn về năng lực tư duy, năng lực trí tuệ và các yếu tố chuyên môn khác quy định.
- Bước 6: Lập danh sách VĐV đạt yêu cầu trình Hội đồng thẩm định, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận VĐV trúng tuyển.
- Bước 7: Cơ sở đào tạo - huấn luyện ra văn bản triệu tập các VĐV tham gia đào tạo, huấn luyện theo chương trình, kế hoạch đã xây dựng.

1.5. Những quy luật phát triển thành tích thể thao nhằm dự báo thành tích của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12

Độ tuổi đạt thành tích thể thao chủ yếu phản ánh những tiềm năng của cơ thể, mức độ phát triển những khả năng về chức phận và hình thái, cũng như độ

chín mươi về sinh học của cơ thể, trong đó đối với VĐV Cờ Vua là năng lực tư duy và năng lực trí tuệ. Vì vậy, nghiên cứu thời gian tập luyện cần thiết để đạt thành tích cao trong quá trình hoàn thiện cho phép xây dựng cơ sở khoa học của các giai đoạn tuyển chọn, định hướng và chuyên môn hóa thể thao đúng và kịp thời, dự báo hiệu quả và xây dựng kế hoạch huấn luyện hợp lý, giữ cho VĐV không rơi vào trạng thái bệnh lý tập luyện quá sức, không sử dụng LVD tập luyện và thi đấu gây căng thẳng quá mức.

1.6. Đặc điểm tâm sinh lý trong tập luyện thi đấu môn Cờ Vua và cơ sở tâm, sinh lý trong tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua

Cờ Vua là môn thể thao trí lực, tính chất phức tạp và phong phú của hoạt động tập luyện và thi đấu Cờ Vua, đòi hỏi VĐV phải có năng lực tâm lý chung và chuyên môn. Thông qua năng lực xử lý thông tin, biểu thị đặc tính các khả năng cảm giác vận động và trí tuệ con người, trong các điều kiện ít thời gian và lượng tín hiệu lớn cần phải điều chỉnh và trả lời chính xác.

Quá trình tuyển chọn và đào tạo VĐV thông thường có 4 giai đoạn có tầm quan trọng như nhau, trong đó đào tạo VĐV trẻ chiếm tới 3 giai đoạn đó là: Giai đoạn huấn luyện ban đầu, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu và giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Đây là quá trình phát hiện và khai thác tối ưu tiềm năng vốn có của VĐV.

1.7. Tổng quan một số công trình nghiên cứu có liên quan

Cho đến nay trong nước và nước ngoài đã có một số tác giả đã quan tâm nghiên cứu vấn đề này như: Phạm Hồng Minh (1997), Nguyễn Huy Thuỷ (1998), Đàm Công Sử (1998), Đặng Văn Dũng (1998, 2006), Dương Minh Tuệ (2008), Nguyễn Hồng Dương (2008), Hà Minh Diệu (2015)...; Dlotnhic (1996); N.G Alekseev và B.A Dlotnhic (1984); B.A Dlotnhic (1989)... Kết quả nghiên cứu của các tác giả đã trình bày kết quả hết sức cụ thể về những vấn đề liên quan đến công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua, và đồng thời các tác giả đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho từng vấn đề này, nêu những kết quả nghiên cứu cũng như xác định được các chỉ tiêu của từng biện pháp mà họ ứng dụng trong thực tiễn công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ. Có thể nói, đây là những chỉ dẫn hết sức quý báu cần thiết phải được áp dụng trong thực tiễn công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ ở Việt Nam nói chung và tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu nói riêng. Song cần thiết phải kiểm nghiệm một cách kỹ lưỡng để xác định mức độ phù hợp và tính thực tiễn trong từng trường hợp cụ thể. Nhìn chung, đã có nhiều công trình, nhiều nhà khoa học trên thế giới cũng như ở Việt Nam quan tâm, nghiên cứu các vấn đề về tâm lý, trí tuệ, Cờ Vua... Tuy nhiên, hầu hết các công trình mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các test tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện hoặc đưa ra các test để đánh giá trình độ tập

luyện của VĐV Cờ Vua. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập nghiên cứu sâu hơn về công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Do đó, các công trình nghiên cứu của các tác giả sẽ là cơ sở, là tư liệu tham khảo có giá trị, nhằm định hướng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.8. Kết luận chương

1) Nghiên cứu về vấn đề tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa sâu đã trở thành chiến lược trong công tác phát hiện và đào tạo các tài năng Cờ Vua ở các nước trên thế giới. Tuyển chọn và huấn luyện thể thao là hai mặt hữu cơ của quá trình đào tạo VĐV Cờ Vua cấp cao. Các giai đoạn tuyển chọn đều phải tương ứng với độ tuổi tập luyện Cờ Vua và các giai đoạn đào tạo.

2) Giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu với thời gian huấn luyện 5 năm. Đối tượng tập luyện là các VĐV ở lứa tuổi thanh - thiếu niên (lứa tuổi 10 - 15) đã kinh qua giai đoạn tập luyện chuyên môn hóa ban đầu. Đây là giai đoạn bước ngoặt quan trọng, bước đột phá trong công tác tuyển chọn VĐV để tuyển đào tạo thành các tài năng Cờ Vua trẻ. Do đó, việc nghiên cứu các nội dung hay các tiêu chuẩn có định mức chặt chẽ ứng dụng trong tuyển chọn các VĐV trẻ lứa tuổi 11 - 12 sẽ có một ý nghĩa quan trọng trong hệ thống đào tạo dài hạn các VĐV Cờ Vua cấp cao ở Việt Nam.

3) Tuyển chọn VĐV Cờ Vua dựa trên cơ sở những nguyên tắc tuyển chọn dài hơi và nguyên tắc đồng bộ, đồng thời phải xem xét đến nhiều yếu tố khác nhau như: Yếu tố tâm lý, thể lực và yếu tố chuyên môn... Tuy nhiên, do đặc thù của môn Cờ Vua đòi hỏi VĐV phải có đầy đủ các yếu tố về tư duy, thể lực cũng như các yếu tố về tâm lý, do đó để tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ, cần thiết phải tìm kiếm sự phối hợp ổn định của tất cả các nhóm nhân tố trên.

4) Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về tuyển chọn VĐV Cờ Vua, tuy nhiên các kết quả nghiên cứu đó chưa hoàn toàn mang tính toàn diện, hầu hết các tác giả đều xuất phát từ yêu cầu của công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ, mà chưa hẳn là xuất phát từ yêu cầu đánh giá mức độ phù hợp tập luyện.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu.
2. Phương pháp phỏng vấn tọa đàm.
3. Phương pháp quan sát sự phạm.
4. Phương pháp kiểm tra tâm lý.
5. Phương pháp kiểm tra sự phạm.
6. Phương pháp toán học thống kê.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Toàn bộ luận án được nghiên cứu từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2025 và được chia thành các giai đoạn nghiên cứu như trình bày cụ thể trong luận án.

2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu tại:

- Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.
- Một số Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Một số Câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng và xác định hệ thống các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.1. Đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua tại các đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng khảo sát là 30 HLV, các nhà chuyên môn trực tiếp tham gia công tác tuyển chọn, đào tạo, HLV các VĐV Cờ Vua. Các vấn đề luận án quan tâm gồm:

- Vai trò và tầm quan trọng của công tác tuyển chọn, thải loại VĐV.
- Các hình thức và phương pháp tuyển chọn VĐV.
- Lứa tuổi tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.1 đến 3.3 cho thấy:

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn về vai trò và thực trạng công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)

TT	Nội dung	Kết quả		n	Tỷ lệ %
		Mức độ			
1.	Vai trò và ý nghĩa của công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	Rất quan trọng		27	90.00
		Quan trọng		3	10.00
		Không quan trọng		0	0.00
2.	Sự quan tâm đến công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	Rất quan tâm		24	80.00
		Quan tâm		6	20.00
		Ít quan tâm		0	0.00

Khi tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong công tác huấn luyện, đại đa số các HLV, các nhà chuyên môn đều cho rằng, công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện có vai trò rất quan trọng (27/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 90.00%); còn lại 03 ý kiến cho rằng công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện có vai trò quan trọng (03/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ

10.00%). Như vậy có 100% các ý kiến được hỏi đều xác định là công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu có vai trò từ quan trọng đến rất quan trọng.

Khi tìm hiểu thực trạng về sự quan tâm đến công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong thực tiễn huấn luyện, kết quả cho thấy, đa số các ý kiến đều cho rằng trong thực tế đã rất quan tâm (24/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 80.00%); còn lại 06 ý kiến cho rằng công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện đã được quan tâm trong huấn luyện (06/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 20.00%). Như vậy, qua khảo sát thực tiễn công tác tuyển chọn/thải loại các VĐV trong huấn luyện cho thấy, các HLV, các nhà chuyên môn đều cho rằng công tác này có vai trò rất quan trọng và luôn quan tâm trong thực tiễn huấn luyện.

Về những hình thức và phương pháp tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong thực tiễn huấn luyện. Kết quả thu được ở bảng 3.2 cho thấy:

Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn về thực trạng các hình thức và phương pháp tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	Tỷ lệ %
	Các hình thức tuyển chọn:		
1.	Tổ chức thi tuyển chọn tại đơn vị đào tạo	23	76.67
2.	Tổ chức thi tuyển chọn tại các cơ sở trực thuộc	3	10.00
3.	Tuyển chọn thông qua các giải thi đấu	3	10.00
4.	Tuyển chọn thông qua liên kết với các đơn vị khác	1	3.33
5.	Các hình thức tuyển chọn khác	0	0.00
	Các phương pháp tuyển chọn:		
1.	Tuyển chọn dựa vào kết quả học tập văn hóa	8	26.67
2.	Tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm	10	33.33
3.	Tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng	4	13.33
4.	Tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm	4	13.33
5.	Tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV	4	13.33

Về hình thức tuyển chọn: Các đơn vị chủ yếu sử dụng hình thức thi tuyển chọn tại đơn vị đào tạo (tại các câu lạc bộ hoặc Trung tâm TDTT - có 23/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 76.67%); tiếp đến là các hình thức thi tuyển chọn tại các cơ sở trực thuộc và tuyển chọn thông qua các giải thi đấu (03/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 10.00%), còn lại 01/30 ý kiến lựa chọn hình thức tuyển chọn thông qua liên kết với các đơn vị khác (01/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 3.33%).

Về phương pháp tuyển chọn: Có đến 10/30 ý kiến lựa chọn phương pháp tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm của các nhà chuyên môn

(chiếm tỷ lệ 33.33%); 08/30 ý kiến lựa chọn phương pháp tuyển chọn dựa vào kết quả học tập văn hóa (chiếm tỷ lệ 26.67%); các phương pháp tuyển chọn còn lại gồm: tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng, tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm, tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV đều có 04/30 ý kiến lựa chọn (chiếm tỷ lệ 13.33%).

Như vậy, qua khảo sát về hình thức và phương pháp tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy: hầu hết các đơn vị đều tiến hành tuyển chọn VĐV tại chính đơn vị đào tạo, đồng thời phần lớn đều sử dụng phương pháp tuyển chọn thông qua kết quả học tập văn hóa và dựa vào kết quả thi đấu kết hợp kinh nghiệm của các nhà chuyên môn trong thực tiễn huấn luyện. Thực tiễn cho đến nay, phương pháp tuyển chọn VĐV các môn thể thao thông qua tiêu chuẩn kết hợp với kinh nghiệm đều được phần lớn các nhà chuyên môn, các HLV triển khai áp dụng ở nhiều môn thể thao khác nhau, bởi phương pháp tuyển chọn này có thể đạt được những hiệu quả nhất định.

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát về lứa tuổi và thời điểm tuyển chọn/thải loại/bổ sung VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	Tỷ lệ %
	Độ tuổi tuyển chọn:		
1.	Từ 10 - 11 tuổi	2	6.67
2.	Từ 11 - 12 tuổi	24	80.00
3.	Từ 13 - 14 tuổi	3	10.00
4.	Từ 14 - 15 tuổi	1	3.33
5.	> 15 tuổi	0	0.00
	Thời điểm tuyển chọn/thải loại/bổ sung:		
1.	Sau từ 3 - 6 tháng	12	40.00
2.	Sau từ 6 - 12 tháng	6	20.00
3.	Sau từ 12 - 18 tháng	5	16.67
4.	Sau từ 18 - 24 tháng	5	16.67
5.	Trên 24 tháng	2	6.67

Về lứa tuổi và thời điểm triển khai công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua tại các đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội được trình bày ở bảng 3.3 cho thấy: có đến 24/30 ý kiến lựa chọn độ tuổi 11 - 12 để tuyển chọn VĐV Cờ Vua vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu; đồng thời công việc tuyển chọn/thải loại/bổ sung được đa số đơn vị thực hiện định kỳ sau từ 3 - 6 tháng tập luyện (chiếm tỷ lệ 40.00%), từ 6 đến 12 tháng chiếm tỷ lệ 20.00%, số ít ý kiến lựa chọn thời điểm sau từ 12 đến 18 và từ sau 18 đến 24 tháng (chiếm tỷ lệ từ 6.67% đến 16.67%). Như vậy có thể thấy, về độ tuổi tuyển chọn của các đơn vị cũng có sự tương đồng với định hướng nghiên cứu của luận án.

3.1.2. Lựa chọn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.2.1. Cơ sở lý luận lựa chọn test

Căn cứ vào các kết quả khảo sát về thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội (như đã trình bày ở các bảng 3.1 đến 3.3), luận án tiến hành khảo sát ý kiến chuyên gia lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận án đã tiến hành các bước nghiên cứu sau:

1) Tổng hợp các tài liệu chung và chuyên môn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm lựa chọn hệ thống các test chuyên môn ứng dụng trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

2) Tìm hiểu cơ sở thực tiễn thông qua hình thức phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi các chuyên gia.

3) Kiểm tra sự phạm, tâm lý trên đối tượng nghiên cứu nhằm xác định độ tin cậy, tính thông báo của các test lựa chọn đối với đối tượng nghiên cứu.

3.1.2.2. Căn cứ ý kiến chuyên gia lựa chọn test

Qua tham khảo các tư liệu chuyên môn và tìm hiểu thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDDT, các câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã xác định được 18 test chuyên môn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, luận án tiến hành phỏng vấn các chuyên gia về các test thường được áp dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12. Thời điểm phỏng vấn vào tháng 01/2023 và Hội thảo chuyên gia vào thời điểm tháng 03/2023. Đối tượng phỏng vấn, Hội thảo là 30 chuyên gia, HLV tại các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDDT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số phiếu phát ra 30 phiếu, số phiếu thu về 30 phiếu (đạt tỷ lệ 100.00%). Kết quả ở 2 lần phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.4 và bảng 3.5 trong luận án. Trên cơ sở đó, tiến hành so sánh kết quả giữa 2 lần phỏng vấn về kết quả lựa chọn và xếp loại mức độ ưu tiên sử dụng của các test. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.6 cho thấy:

Không có sự khác biệt rõ rệt giữa kết quả phỏng vấn lần thứ nhất và lần thứ hai về mức độ ưu tiên sử dụng các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Điểm trung bình ở lần phỏng vấn thứ nhất (theo thang đo Likert) từ 4.63 đến 5.00 điểm; tương tự như vậy, ở lần phỏng vấn thứ hai điểm trung bình đạt từ 4.67 đến 5.00 điểm. Kết quả so sánh $\chi^2_{\text{tính}}$ đều $< \chi^2_{\text{bảng}}$ với $P > 0.05$. Như vậy, kết quả giữa 2 lần phỏng vấn các chuyên gia đều có sự đồng nhất về ý kiến trả lời, do đó luận án đã lựa chọn cả 18 test nêu trên để tiếp tục kiểm định cơ sở khoa học ở các bước tiếp theo (xác định độ tin cậy, tính thông báo của test).

Bảng 3.6. So sánh kết quả qua 2 lần phỏng vấn xác định mức độ phù hợp của các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Test	Điểm TB		So sánh		P
		Lần 1	Lần 2	$\chi^2_{\text{tính}}$	$\chi^2_{\text{bảng}}$	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	5.00	5.00	0.000	7.815	>0.05
2.	Soát vòng hở Landon (bis/s)	4.63	4.70	0.476		>0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
6.	Cờ thế chiếu hết sau 3 nước (điểm)	4.73	4.70	1.111		>0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	4.63	4.70	0.476		>0.05
9.	Phân tích thế trận (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	4.63	4.70	0.476		>0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	4.73	4.70	1.111		>0.05
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05

3.1.3. Xác định độ tin cậy, tính thông báo các tiêu chí tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.3.1. Xác định độ tin cậy của các test

Luận án đã sử dụng phương pháp Retest. Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.7 cho thấy, cả 18 test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã qua kiểm tra tính thông báo ở cả 02 lứa tuổi 11 và 12 đều có hệ số tin cậy giữa 2 lần kiểm tra ở mức rất cao với $r > 0.800$. Điều đó cho thấy các test trên thể hiện hệ số tin cậy rất cao giữa kết quả 2 lần lập test, và phù hợp đối tượng nghiên cứu cũng như điều kiện thực tiễn.

3.1.3.2. Xác định tính thông báo của các test

Luận án đã tiến hành xác định mối tương quan thứ bậc giữa các test đã lựa chọn với thành tích thi đấu của các VĐV. Tiến hành kiểm tra trên đối tượng 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDTT, các CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội (gồm 75 nam VĐV lứa tuổi 11 và 75 nam VĐV lứa tuổi 12). Qua đó tiến hành xác định hệ số tương quan thứ bậc giữa kết quả lập test với thành tích thi đấu.

Bảng 3.7. Kết quả xác định độ tin cậy các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Lứa tuổi 11 (n = 75)		Hệ số tương quan (r)	Lứa tuổi 12 (n = 75)		Hệ số tương quan (r)
		Lần 1 $\bar{x} \pm \sigma$	Lần 2 $\bar{x} \pm \sigma$		Lần 1 $\bar{x} \pm \sigma$	Lần 2 $\bar{x} \pm \sigma$	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.65±0.81	0.823	31.87±0.83	31.94±0.84	0.821
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.51±0.07	1.51±0.07	0.804	1.54±0.05	1.54±0.05	0.816
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	45.64±2.03	0.826	46.17±2.09	47.05±2.12	0.897
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.09±0.27	0.882	6.27±0.29	6.22±0.29	0.861
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	9.05±0.22	0.872	8.86±0.23	8.97±0.23	0.807
6.	Cờ thế chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.17±0.24	0.801	5.24±0.23	5.30±0.23	0.814
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.21±0.30	0.806	6.28±0.30	6.36±0.30	0.807
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.30±0.28	0.853	6.31±0.21	6.39±0.21	0.887
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	5.17±0.21	0.855	5.19±0.22	5.25±0.22	0.877
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	6.66±0.29	0.884	6.69±0.22	6.77±0.22	0.993
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.30±0.23	0.881	5.33±0.24	5.39±0.24	0.991
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.17±0.22	0.875	5.20±0.23	5.26±0.23	0.876
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.56±0.23	0.863	5.58±0.25	5.65±0.25	0.823
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.39±0.21	0.844	5.42±0.21	5.49±0.21	0.846
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.49±0.26	0.883	6.50±0.19	6.58±0.19	0.854
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.35±0.26	0.851	6.38±0.22	6.46±0.22	0.842
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.98±0.23	0.865	5.99±0.21	6.06±0.21	0.862
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.63±0.29	0.876	6.67±0.17	6.75±0.17	0.857

Bảng 3.8. Kết quả xác định hệ số thông báo các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Kết quả kiểm tra theo lứa tuổi			
		Lứa tuổi 11 (n = 75)		Lứa tuổi 12 (n = 75)	
		$\bar{x} \pm \sigma$	r	$\bar{x} \pm \sigma$	r
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	0.801	31.87±0.83	0.822
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.51±0.07	0.811	1.54±0.05	0.820
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	0.803	46.17±2.09	0.852
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	0.884	6.27±0.29	0.835
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	0.781	8.86±0.23	0.805
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.11±0.24	0.744	5.24±0.23	0.759
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	0.679	6.28±0.30	0.777
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	0.708	6.31±0.21	0.794
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	0.718	5.19±0.22	0.824
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	0.674	6.69±0.22	0.822
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	0.753	5.33±0.24	0.874
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	0.707	5.20±0.23	0.872
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	0.701	5.58±0.25	0.819
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	0.709	5.42±0.21	0.822
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	0.743	6.50±0.19	0.828
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	0.747	6.38±0.22	0.835
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	0.852	5.99±0.21	0.803
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	0.828	6.67±0.17	0.815
	$r_{0.5}$	0.2319		0.2319	

Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.8 cho thấy, cả 18/18 test thuộc 02 nhóm yếu tố năng lực trí tuệ và chuyên môn đã lựa chọn đều thể hiện tương quan mạnh có đầy đủ tính thông báo với (với $P < 0.05$) nên có thể ứng dụng trong thực tiễn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu nêu trên, luận án đã lựa chọn được 18 test thuộc 2 nhóm yếu tố: nhóm yếu tố năng lực trí tuệ và nhóm yếu tố chuyên môn đảm bảo đủ độ tin cậy, đủ tính thông báo ở ngưỡng xác suất thống kê cần thiết, có thể sử dụng để tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.

3.2. Xác định đặc điểm, mối quan hệ giữa các nhóm test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.1. Xác định đặc điểm, diễn biến các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện

Bảng 3.9. Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)

TT	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \sigma$)			So sánh			Nhịp tăng trưởng			P _{1,3}
		Ban đầu (1)	Sau 6 tháng (2)	Sau 12 tháng (3)	t _{1,2}	t _{2,3}	t _{1,3}	W _{1,2}	W _{2,3}	W _{1,3}	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.85±1.06	32.12±1.33	1.768	1.383	3.036	0.856	0.849	1.705	<0.05
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.51±0.07	1.52±0.07	1.54±0.06	1.279	1.345	2.620	0.941	0.932	1.872	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	45.67±1.93	46.10±1.86	1.355	1.409	2.762	0.960	0.951	1.912	<0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.20±0.26	6.25±0.26	1.274	1.303	2.576	0.901	0.893	1.794	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	9.01±0.30	9.08±0.38	1.606	1.228	2.712	0.772	0.766	1.538	<0.05
6.	Cờ thế chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.16±0.23	5.21±0.22	1.320	1.384	2.701	0.985	0.976	1.961	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.20±0.30	6.26±0.31	1.241	1.230	2.471	0.990	0.980	1.970	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.28±0.28	6.33±0.27	1.246	1.262	2.507	0.906	0.898	1.804	<0.05
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	5.16±0.23	5.20±0.25	1.293	1.184	2.465	0.906	0.898	1.804	<0.05
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	6.64±0.30	6.69±0.31	1.188	1.158	2.344	0.862	0.855	1.717	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.29±0.23	5.33±0.22	1.218	1.240	2.457	0.861	0.854	1.715	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.15±0.22	5.20±0.21	1.231	1.246	2.476	0.856	0.849	1.705	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.54±0.23	5.58±0.24	1.198	1.183	2.380	0.822	0.815	1.636	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.38±0.22	5.44±0.23	1.507	1.447	2.950	0.985	0.976	1.961	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật-chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.46±0.29	6.52±0.32	1.207	1.091	2.284	0.841	0.834	1.676	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.32±0.27	6.38±0.27	1.252	1.218	2.468	0.856	0.849	1.705	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.96±0.26	6.01±0.29	1.307	1.167	2.454	0.882	0.874	1.756	<0.05
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.61±0.30	6.66±0.30	1.184	1.156	2.339	0.862	0.855	1.717	<0.05
	$\bar{W}$							0.891	0.884	1.775	

Bảng 3.10. Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)

TT	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \sigma$)			So sánh			Nhịp tăng trưởng			P _{1,3}
		Ban đầu (1)	Sau 6 tháng (2)	Sau 12 tháng (3)	t _{1,2}	t _{2,3}	t _{1,3}	W _{1,2}	W _{2,3}	W _{1,3}	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.87±0.83	32.11±1.06	32.35±1.30	1.555	1.250	2.724	0.757	0.751	1.509	<0.05
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.54±0.05	1.55±0.06	1.57±0.06	1.673	1.471	3.112	0.950	0.942	1.892	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	46.17±2.09	46.62±2.00	47.07±1.91	1.348	1.411	2.755	0.970	0.961	1.931	<0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	6.27±0.29	6.33±0.28	6.39±0.27	1.276	1.328	2.601	0.941	0.932	1.872	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.86±0.23	8.94±0.30	9.02±0.37	1.773	1.404	3.072	0.871	0.864	1.735	<0.05
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.24±0.23	5.29±0.24	5.34±0.25	1.323	1.278	2.599	0.960	0.951	1.912	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.28±0.30	6.34±0.29	6.40±0.28	1.270	1.312	2.580	0.970	0.961	1.931	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.31±0.21	6.37±0.24	6.43±0.27	1.635	1.441	3.046	0.950	0.942	1.892	<0.05
9.	Phân tích thể trận (điểm)	5.19±0.22	5.24±0.23	5.29±0.24	1.332	1.284	2.613	0.936	0.927	1.862	<0.05
10.	Đánh giá thể trận (điểm)	6.69±0.22	6.75±0.26	6.81±0.30	1.517	1.294	2.767	0.891	0.883	1.774	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.33±0.24	5.38±0.23	5.43±0.23	1.261	1.295	2.555	0.911	0.903	1.813	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.20±0.23	5.25±0.22	5.30±0.22	1.311	1.345	2.655	0.931	0.922	1.853	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.58±0.25	5.63±0.26	5.68±0.26	1.249	1.220	2.469	0.921	0.912	1.833	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thể trận và đòn phối hợp (điểm)	5.42±0.21	5.47±0.23	5.52±0.24	1.452	1.352	2.796	0.950	0.942	1.892	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật-chiến lược (điểm)	6.50±0.19	6.56±0.23	6.62±0.28	1.670	1.384	2.988	0.891	0.883	1.774	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.38±0.22	6.44±0.26	6.49±0.29	1.450	1.263	2.681	0.881	0.873	1.754	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.99±0.21	6.04±0.24	6.10±0.27	1.477	1.300	2.749	0.906	0.898	1.804	<0.05
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.67±0.17	6.73±0.23	6.79±0.30	1.781	1.362	3.007	0.886	0.878	1.764	<0.05
	$\bar{W}$							0.915	0.907	1.822	

Luận án đã tiến hành tổ chức theo dõi dọc trong thời gian 12 tháng (căn cứ theo kế hoạch huấn luyện năm của các đơn vị) thông qua các phương pháp kiểm tra sư phạm và kiểm tra tâm lý. Quá trình theo dõi và kiểm tra được tiến hành vào 03 thời điểm: ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng tập luyện. Đối tượng kiểm tra là 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (VĐV Cờ Vua thuộc các Trung tâm TDTT, các câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó lứa tuổi 11 gồm 75 VĐV và lứa tuổi 12 gồm 75 VĐV).

Cả 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đều được tập luyện theo chương trình huấn luyện ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Quá trình theo dõi và kiểm tra được tiến hành thông qua 18 test ứng dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua đã được quá trình nghiên cứu lựa chọn (thuộc 02 nhóm yếu tố: năng lực trí tuệ và yếu tố chuyên môn như đã nêu ở trên). Luận án tiến hành so sánh kết quả kiểm tra trên đối tượng nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo 3 giai đoạn kiểm tra: ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng. Trong đó, kết quả kiểm tra ban đầu, sau 6 tháng sẽ lần lượt được so sánh với các kết quả kiểm tra giai đoạn sau 6 tháng và sau 12 tháng nhằm đánh giá đặc điểm diễn biến của các test (đặc điểm mức độ biểu hiện năng khiếu của các VĐV trong quá trình huấn luyện năm). Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.9 và 3.10 cho thấy:

Kết quả kiểm tra trên 18 test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu (theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12) qua các giai đoạn kiểm tra ban đầu và sau 6 tháng, cũng như sau 6 tháng đến sau 12 tháng không có khác biệt rõ rệt (với $|t_{\text{tính}}|$ đều $< t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$). Đồng thời nhịp tăng trưởng của các test cũng không tăng trưởng rõ, trung bình sau 6 tháng tăng 0.884% đến 0.915%.

Sau 12 tháng, kết quả kiểm tra 18 test so với thời điểm kiểm tra ban đầu đã có khác biệt rõ với $|t_{\text{tính}}| > t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Điều đó cho thấy, các nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12), các test đều có sự tăng trưởng một cách ổn định trong quá trình huấn luyện. Mức độ tăng trưởng về kết quả lập test sau 12 tháng tập luyện đã có gia tăng rõ rệt so với thời điểm ban đầu. Nói một cách khác, các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có sự khác biệt và sự tăng trưởng rõ hơn sau 12 tháng tập luyện, với mức tăng trưởng trung bình đạt từ 1.775% đến 1.822%.

3.2.2. Xác định mối quan hệ giữa các test tuyển chọn của nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Với mục đích xác định mối quan hệ của từng test tuyển chọn với nhau và mối quan hệ của các test đó với thành tích thi đấu của các nam VĐV Cờ Vua, căn cứ vào kết quả kiểm tra ở thời điểm ban đầu, luận án đã tiến hành xác định

hệ số tương quan riêng phần (r_{xy} , r_{xz} ...), thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.11 và 3.12 cho thấy, $r_{tính}$ của các test kiểm tra ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đều lớn hơn $r_{bảng}$ với $P < 0.05$; đồng thời giữa các test có mối tương quan mạnh, chỉ một vài test tương quan yếu với test này nhưng lại tương quan mạnh với test kia. Mối tương quan giữa các test của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 nhìn chung có mối tương quan chặt chẽ hơn so với các VĐV lứa tuổi 11.

3.2.3. Quy trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.3.1. Cơ sở lý luận xây dựng quy trình tuyển chọn

Qua tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả về các vấn đề tuyển chọn, đánh giá TĐTL VĐV Cờ Vua như: Dương Thanh Bình (2006); Dương Minh Tuệ (2008); Đàm Quốc Chính (1999); Đặng Văn Dũng (1999); Nguyễn Hồng Dương (2008); Bùi Ngọc (2014); Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2018); Tạ Hữu Minh (2019)... cho thấy: quá trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn các VĐV Cờ Vua được phân chia làm 2 bước:

Bước thứ nhất: Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần (nhóm test) đến yếu tố thành tích thi đấu của các VĐV.

Bước thứ hai: Tiêu chuẩn hoá các tiêu chí đánh giá nhờ vào sự xác định tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần đến yếu tố thành tích thi đấu.

Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, luận án đã tiến hành sử dụng phương pháp phân tích tương quan và hồi quy đa nhân tố trong đánh giá mức độ tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

3.2.3.2. Đề xuất các bước xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Bước 1: Trên cơ sở các test đã lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, trước hết cần tiến hành đo đạc trên đám đông đối tượng nghiên cứu bằng phương pháp kiểm tra sự phạm, tâm lý. Trên cơ sở đó tiến hành: 1) Xác định đặc điểm diễn biến các test lựa chọn sau 1 năm tập luyện; 2) Xác định mối tương quan lẫn lượt giữa các test đã lựa chọn; 3) Kiểm tính phân bố chuẩn của kết quả kiểm tra các test để từ đó làm cơ sở xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

Bước 2: Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần (nhóm test) đã lựa chọn.

Bước 3: Tiến hành phân loại số liệu theo 5 mức: tốt, khá, trung bình, yếu, kém nhằm loại bỏ những số liệu không tập trung của đám đông, các số liệu còn lại là phản ánh đúng kết quả lập test của đối tượng nghiên cứu.

Bước 4: Tiến hành xây dựng bảng điểm tổng hợp theo thang điểm 10 (sử dụng thang độ C hoặc sử dụng quy tắc $\pm 2\sigma$).

Bước 5: Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu. Bước này được thực hiện như sau: Sau khi tra bảng điểm tổng hợp kết quả lập test (bước thứ 3), và xác định tỷ trọng ảnh hưởng của nhóm các test (bước thứ 4), tính tổng điểm đạt được sau khi lập test ở nhóm các yếu tố thành phần xác định, sau đó quy đổi ra thang điểm có tính đến yếu tố tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng (tra bảng 3.23 và bảng 3.24). Cuối cùng tính tổng điểm đạt được của các nhóm nội dung (trong luận án là 02 nhóm yếu tố thành phần cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV) sau khi đã tra bảng quy đổi thang điểm theo tỷ trọng ảnh hưởng (bảng 3.23 và bảng 3.24), và tiến hành tra bảng đánh giá xếp loại tổng hợp đã được xây dựng (bảng 3.26).

3.2.4. Xác lập mối tương quan đa nhân tố và tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (bảng 3.13 và 3.14)

Bảng 3.13. Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Nhóm yếu tố	Nhóm yếu tố		
		1	2	3
1	Thành tích thi đấu		0.776	0.782
2	Năng lực trí tuệ			0.765
3	Năng lực chuyên môn			
Hệ số tương quan đa nhân tố (R)		0.911		

Bảng 3.14. Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Nhóm yếu tố	Nhóm yếu tố		
		1	2	3
1	Thành tích thi đấu		0.834	0.841
2	Năng lực trí tuệ			0.807
3	Năng lực chuyên môn			
Hệ số tương quan đa nhân tố (R)		0.942		

Ở nam VĐV lứa tuổi 11, giữa các nhóm yếu tố và thành tích thi đấu đều thể hiện mối tương quan mạnh với nhau và tương quan mạnh với thành tích thi đấu ($r_{\text{tính}} > r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$, hệ số tương quan đa nhân tố $R = 0.911$). Ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12, giữa các nhóm yếu tố và thành tích thi đấu đều thể hiện mối tương quan mạnh và mối tương quan này đều lớn hơn so với các nam VĐV lứa tuổi 11 ($r_{\text{tính}}$ đều lớn hơn $r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$, hệ số tương quan đa nhân tố $R = 0.942$). Trên cơ sở đó xác định tỷ trọng ảnh hưởng của chúng đến thành tích thi đấu nhằm ứng dụng trong xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn giai đoạn chuyên môn hóa sâu. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.15 cho thấy:

Bảng 3.15. Tỷ trọng ảnh hưởng (β) của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Lứa tuổi	Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần			
	NĂng lực trí tuệ		NĂng lực chuyên môn	
	Hệ số ảnh hưởng	% quy đổi	Hệ số ảnh hưởng	% quy đổi
11	0.389	38.90	0.522	52.20
12	0.379	37.90	0.563	56.30

- Ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11, tỷ trọng ảnh hưởng của năng lực trí tuệ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu ít hơn so với nhóm năng lực chuyên môn (chiếm tỷ trọng 38.90%); trong khi nhóm yếu tố năng lực chuyên môn chiếm tỷ trọng lớn hơn (chiếm tỷ trọng 52.20%).

- Ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 cũng có diễn biến tương tự, tỷ trọng ảnh hưởng của năng lực trí tuệ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu ít hơn so với nhóm năng lực chuyên môn (chiếm tỷ trọng 37.90%); trong khi nhóm yếu tố năng lực chuyên môn chiếm tỷ trọng lớn hơn (chiếm tỷ trọng 56.30%).

Từ kết quả thu được ở bảng 3.15, luận án tiến hành xác lập các phương trình hồi quy biểu diễn mức ảnh hưởng của các nhóm nhân tố trên đến thành tích thi đấu ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

$$\text{Lứa tuổi 11: } Y_{(1,2)} = 0.389x_1 + 0.522x_2 \quad (1)$$

$$\text{Lứa tuổi 12: } Y_{(1,2)} = 0.379x_1 + 0.563x_2 \quad (2)$$

3.3. Xây dựng và ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.1.1. Tổ chức kiểm tra sự phạm và tâm lý

Luận án tiến hành nghiên cứu trên đối tượng 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 hiện đang tập luyện tại các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cả 150 VĐV trên đều được tập luyện theo chương trình huấn luyện trong giai đoạn chuyên môn hóa sâu. Toàn bộ quá trình theo dõi và kiểm tra sự phạm trên đối tượng nghiên cứu được tiến hành trong 12 tháng và được kiểm tra thông qua hệ thống 18 test mà quá trình nghiên cứu đã lựa chọn đối với các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12.

3.3.1.2. So sánh sự khác biệt về các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Luận án tiến hành so sánh kết quả kiểm tra các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa các lứa tuổi 11 và 12. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.16 cho thấy:

Bảng 3.16. So sánh kết quả kiểm tra các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Kết quả kiểm tra theo lứa tuổi ($\bar{x} \pm \sigma$)		t	P
		11 (n = 75)	12 (n = 75)		
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.87±0.83	2.179	<0.05
2.	Soát vòng hờ Landont (bis/s)	1.51±0.07	1.54±0.05	3.020	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	46.17±2.09	2.807	<0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.27±0.29	2.841	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	8.86±0.23	2.177	<0.05
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.24±0.23	3.387	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.28±0.30	2.858	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.31±0.21	2.227	<0.05
9.	Phân tích thể trận (điểm)	5.11±0.21	5.19±0.22	2.278	<0.05
10.	Đánh giá thể trận (điểm)	6.58±0.29	6.69±0.22	2.617	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.33±0.24	2.345	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.20±0.23	2.449	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.58±0.25	2.294	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thể trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.42±0.21	2.624	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.50±0.19	2.420	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.38±0.22	2.797	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.99±0.21	2.225	<0.05
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.67±0.17	3.092	<0.05

Kết quả thu được qua kiểm tra các test được lựa chọn của đối tượng nghiên cứu ở các lứa tuổi 11 và 12 đều có sự khác biệt rõ rệt ($t_{\text{tính}}$ đều $> t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$). Hay nói một cách khác, với kết quả so sánh thành tích kiểm tra ở 18 test lựa chọn ở các lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu cho thấy, ở tất cả các test trên, thành tích của đối tượng nghiên cứu có lứa tuổi cao hơn thì tốt hơn thành tích của đối tượng có lứa tuổi thấp, và sự khác biệt này đều đạt độ tin cậy ở ngưỡng xác suất thống kê $P < 0.05$.

3.3.1.3. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả như trình bày ở các bảng 3.17 và bảng 3.18 cho thấy: tất cả các test kiểm tra trên đối tượng nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 đều có kết quả tương đối tập trung $C_v < 10\%$, sai số tương đối của số trung bình cộng đều nằm ở trong phạm vi cho phép $\varepsilon < 0.05$, chỉ tiêu $W_{\text{tính}}$ (Shaparo - Wink) đều $> W_{\text{bảng}} = 0.881$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Như vậy từ những kết quả trên đây cho thấy, kết quả kiểm tra các test lựa chọn đều đảm bảo tính phân bố tương đối chuẩn của các số liệu khảo sát ở từng test tuyển chọn mà quá trình nghiên cứu luận án đã xác định.

Bảng 3.17. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)

TT	Test	Kiểm định tính phân bố chuẩn			
		$\bar{x} \pm \sigma$	C_v	ε	W
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	2.53	0.013	0.935
2.	Soát vòng hồ Landon (bis/s)	1.51±0.07	4.64	0.014	0.954
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	4.44	0.011	0.956
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	4.40	0.014	0.989
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	2.46	0.012	0.935
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.11±0.24	4.70	0.011	0.899
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	4.89	0.011	0.894
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	4.50	0.012	0.912
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	4.11	0.012	0.898
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	4.41	0.012	0.899
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	4.39	0.012	0.903
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	4.31	0.012	0.924
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	4.19	0.011	0.910
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	3.94	0.018	0.974
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	4.06	0.017	0.918
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	4.15	0.023	0.905
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	3.89	0.014	0.912
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	4.43	0.025	0.894

Bảng 3.18. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)

TT	Test	Kiểm định tính phân bố chuẩn			
		$\bar{x} \pm \sigma$	C_v	ε	W
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.87±0.83	2.60	0.012	0.895
2.	Soát vòng hồ Landon (bis/s)	1.54±0.05	3.25	0.013	0.913
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	46.17±2.09	4.53	0.011	0.915
4.	Tương quan số học (điểm)	6.27±0.29	4.63	0.013	0.946
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.86±0.23	2.60	0.013	0.979
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.24±0.23	4.39	0.011	0.904
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.28±0.30	4.78	0.012	0.898
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.31±0.21	3.33	0.013	0.917
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.19±0.22	4.24	0.013	0.903
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.69±0.22	3.29	0.013	0.904
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.33±0.24	4.50	0.013	0.908
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.20±0.23	4.42	0.013	0.929
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.58±0.25	4.48	0.012	0.915
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.42±0.21	3.87	0.019	0.979
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.50±0.19	2.92	0.018	0.904
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.38±0.22	3.45	0.016	0.911
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.99±0.21	3.51	0.021	0.902
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.67±0.17	2.55	0.026	0.898

Bảng 3.19. Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	<28	28→30	31→32	33→34	>34
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	<1.37	1.37→<1.44	1.44→1.58	>1.58→1.65	>1.65
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	<41.21	41.21→<43.22	43.22→47.24	>47.24→49.25	>49.25
4.	Tương quan số học (điểm)	<5.60	5.60→<5.87	5.87→6.41	>6.41→6.68	>6.68
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	<8.50	8.50→<8.72	8.72→9.16	>9.16→9.38	>9.38
6.	Cờ thế chiếu hết sau 3 nước (điểm)	<4.63	4.63→<4.87	4.87→5.35	>5.35→5.59	>5.59
7.	Tính toán phương án (điểm)	<5.54	5.54→<5.84	5.84→6.44	>6.44→6.74	>6.74
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	<5.66	5.66→<5.94	5.94→6.50	>6.50→6.78	>6.78
9.	Phân tích thế trận (điểm)	<4.69	4.69→<4.90	4.90→5.32	>5.32→5.53	>5.53
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	<6.00	6.00→<6.29	6.29→6.87	>6.87→7.16	>7.16
11.	Lập kế hoạch (điểm)	<4.78	4.78→<5.01	5.01→5.47	>5.47→5.70	>5.70
12.	Đòn phối hợp (điểm)	<4.67	4.67→<4.89	4.89→5.33	>5.33→5.55	>5.55
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	<5.03	5.03→<5.26	5.26→5.72	>5.72→5.95	>5.95
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	<4.91	4.91→<5.12	5.12→5.54	>5.54→5.75	>5.75
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	<5.89	5.89→<6.15	6.15→6.67	>6.67→6.93	>6.93
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	<5.75	5.75→<6.01	6.01→6.53	>6.53→6.79	>6.79
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	<5.45	5.45→<5.68	5.68→6.14	>6.14→6.37	>6.37
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	<5.97	5.97→<6.26	6.26→6.84	>6.84→7.13	>7.13

Bảng 3.20. Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	<29	29→<31	32→33	34→35	>35
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	<1.44	1.44→<1.49	1.49→1.59	>1.59→1.64	>1.64
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	<41.99	41.99→<44.08	44.08→48.26	>48.26→50.35	>50.35
4.	Tương quan số học (điểm)	<5.69	5.69→<5.98	5.98→6.56	>6.56→6.85	>6.85
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	<8.40	8.40→<8.63	8.63→9.09	>9.09→9.32	>9.32
6.	Cờ thế chiếu hết sau 3 nước (điểm)	<4.78	4.78→<5.01	5.01→5.47	>5.47→5.70	>5.70
7.	Tính toán phương án (điểm)	<5.68	5.68→<5.98	5.98→6.58	>6.58→6.88	>6.88
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	<5.89	5.89→<6.10	6.10→6.52	>6.52→6.73	>6.73
9.	Phân tích thế trận (điểm)	<4.75	4.75→<4.97	4.97→5.41	>5.41→5.63	>5.63
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	<6.25	6.25→<6.47	6.47→6.91	>6.91→7.13	>7.13
11.	Lập kế hoạch (điểm)	<4.85	4.85→<5.09	5.09→5.57	>5.57→5.81	>5.81
12.	Đòn phối hợp (điểm)	<4.74	4.74→<4.97	4.97→5.43	>5.43→5.66	>5.66
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	<5.08	5.08→<5.33	5.33→5.83	>5.83→6.08	>6.08
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	<5.00	5.00→<5.21	5.21→5.63	>5.63→5.84	>5.84
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	<6.12	6.12→<6.31	6.31→6.69	>6.69→6.88	>6.88
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	<5.94	5.94→<6.16	6.16→6.60	>6.60→6.82	>6.82
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	<5.57	5.57→<5.78	5.78→6.20	>6.20→6.41	>6.41
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	<6.33	6.33→<6.50	6.50→6.84	>6.84→7.01	>7.01

Bảng 3.21. Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	36	35	34	33	32	31	30	29	28	27
2.	Soát vòng hở Landon (bis/s)	1.69	1.65	1.62	1.58	1.55	1.51	1.48	1.44	1.41	1.37
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	50.26	49.25	48.25	47.24	46.24	45.23	44.23	43.22	42.22	41.21
4.	Tương quan số học (điểm)	6.82	6.68	6.55	6.41	6.28	6.14	6.01	5.87	5.74	5.60
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	9.49	9.38	9.27	9.16	9.05	8.94	8.83	8.72	8.61	8.50
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.71	5.59	5.47	5.35	5.23	5.11	4.99	4.87	4.75	4.63
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.89	6.74	6.59	6.44	6.29	6.14	5.99	5.84	5.69	5.54
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.92	6.78	6.64	6.50	6.36	6.22	6.08	5.94	5.80	5.66
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.64	5.53	5.43	5.32	5.22	5.11	5.01	4.90	4.80	4.69
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	7.31	7.16	7.02	6.87	6.73	6.58	6.44	6.29	6.15	6.00
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.82	5.70	5.59	5.47	5.36	5.24	5.13	5.01	4.90	4.78
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.66	5.55	5.44	5.33	5.22	5.11	5.00	4.89	4.78	4.67
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	6.07	5.95	5.84	5.72	5.61	5.49	5.38	5.26	5.15	5.03
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.86	5.75	5.65	5.54	5.44	5.33	5.23	5.12	5.02	4.91
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	7.06	6.93	6.80	6.67	6.54	6.41	6.28	6.15	6.02	5.89
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.92	6.79	6.66	6.53	6.40	6.27	6.14	6.01	5.88	5.75
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	6.49	6.37	6.26	6.14	6.03	5.91	5.80	5.68	5.57	5.45
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	7.28	7.13	6.99	6.84	6.70	6.55	6.41	6.26	6.12	5.97

Bảng 3.22. Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	37	36	35	34	33	32	31	30	29	28
2.	Soát vòng hở Landon (bis/s)	1.67	1.64	1.62	1.59	1.57	1.54	1.52	1.49	1.47	1.44
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	51.40	50.35	49.31	48.26	47.22	46.17	45.13	44.08	43.04	41.99
4.	Tương quan số học (điểm)	7.00	6.85	6.71	6.56	6.42	6.27	6.13	5.98	5.84	5.69
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	9.44	9.32	9.21	9.09	8.98	8.86	8.75	8.63	8.52	8.40
6.	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	5.82	5.70	5.59	5.47	5.36	5.24	5.13	5.01	4.90	4.78
7.	Tính toán phương án (điểm)	7.03	6.88	6.73	6.58	6.43	6.28	6.13	5.98	5.83	5.68
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.84	6.73	6.63	6.52	6.42	6.31	6.21	6.10	6.00	5.89
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.74	5.63	5.52	5.41	5.30	5.19	5.08	4.97	4.86	4.75
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	7.24	7.13	7.02	6.91	6.80	6.69	6.58	6.47	6.36	6.25
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.93	5.81	5.69	5.57	5.45	5.33	5.21	5.09	4.97	4.85
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.78	5.66	5.55	5.43	5.32	5.20	5.09	4.97	4.86	4.74
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	6.21	6.08	5.96	5.83	5.71	5.58	5.46	5.33	5.21	5.08
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.95	5.84	5.74	5.63	5.53	5.42	5.32	5.21	5.11	5.00
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.98	6.88	6.79	6.69	6.60	6.50	6.41	6.31	6.22	6.12
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.93	6.82	6.71	6.60	6.49	6.38	6.27	6.16	6.05	5.94
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	6.52	6.41	6.31	6.20	6.10	5.99	5.89	5.78	5.68	5.57
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	7.10	7.01	6.93	6.84	6.76	6.67	6.59	6.50	6.42	6.33

3.3.1.3. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tiêu chuẩn phân loại theo từng test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Luận án tiến hành phân loại theo từng test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua theo từng lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 thành 5 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu, kém theo quy tắc 2 xích ma. Kết quả thu được như trình bày ở các bảng từ bảng 3.19 và bảng 3.20 trong luận án (dẫn chứng ở lứa tuổi 11 làm ví dụ).

Thang điểm theo từng test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Cũng căn cứ vào kết quả trong các bảng kiểm định tính phân bố chuẩn của kết quả kiểm tra các test tuyển chọn (bảng 3.14 và bảng 3.15), luận án tiến hành xây dựng bảng điểm theo thang độ C (thang điểm 10) cho từng test đã lựa chọn nhằm ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.21 và bảng 3.22.

Xác định chuẩn điểm đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần:

Từ các kết quả nghiên cứu ở trên, luận án đã tiến hành chuẩn điểm đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng của từng nhóm yếu tố thành phần: yếu tố năng lực trí tuệ và yếu tố chuyên môn. Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.23 và 3.24.

Bảng 3.23. Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng

TT	Kết quả quy đổi theo từng nhóm yếu tố thành phần			
	Năng lực trí tuệ (05 test)		Năng lực chuyên môn (13 test)	
	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng
1.	50	38.90	130	52.20
2.	45	35.01	117	46.98
3.	40	31.12	104	41.76
4.	35	27.23	91	36.54
5.	30	23.34	78	31.32
6.	25	19.45	65	26.10
7.	20	15.56	52	20.88
8.	15	11.67	39	15.66
9.	10	7.78	26	10.44
10.	5	3.89	13	5.22

Bảng 3.24. Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng

TT	Kết quả quy đổi theo từng nhóm yếu tố thành phần			
	Năng lực trí tuệ (05 test)		Năng lực chuyên môn (13 test)	
	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng
1.	50	37.90	130	56.30
2.	45	34.11	117	50.67
3.	40	30.32	104	45.04
4.	35	26.53	91	39.41
5.	30	22.74	78	33.78
6.	25	18.95	65	28.15
7.	20	15.16	52	22.52
8.	15	11.37	39	16.89
9.	10	7.58	26	11.26
10.	5	3.79	13	5.63

Trên cơ sở kết quả tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần đã xác định được, quá trình nghiên cứu luận án tiến hành quy đổi thang điểm theo thang độ C thành thang điểm của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng (bảng 3.15), thu được như trình bày ở bảng 3.23 và 3.24.

Bảng 3.26. Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần

Xếp loại	Điểm tổng hợp theo lứa tuổi có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng	
	Lứa tuổi 11 (tổng điểm tối đa là 91.10)	Lứa tuổi 12 (tổng điểm tối đa là 94.20)
Tốt	≥ 81.99	≥ 84.78
Khá	$63.77 \rightarrow < 81.99$	$65.94 \rightarrow < 84.78$
Trung bình	$45.55 \rightarrow < 63.77$	$47.10 \rightarrow < 65.94$
Yếu	$27.33 \rightarrow < 45.55$	$28.26 \rightarrow < 47.10$
Kém	< 27.33	< 28.26

Từ kết quả thu được ở các bảng 3.23 và bảng 3.24, căn cứ vào kết quả xây dựng tiêu chuẩn xếp loại theo quy tắc 2 xích ma cho từng test (bảng 3.19 và 3.20), luận án tiến hành xây dựng bảng tiêu chuẩn xếp loại đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 theo 5 mức: tốt, khá, trung bình, yếu và kém sau khi đã tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của từng yếu tố thành phần. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.26.

3.3.2. Ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thực tiễn huấn luyện

3.3.2.1. Tổ chức ứng dụng các test, tiêu chuẩn đã xây dựng

Để xác định hiệu quả của các tiêu chuẩn đã xây dựng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã xây dựng, trong quá trình tổ chức ứng dụng xác định hiệu quả các tiêu chuẩn đã xây dựng, luận án đã sử dụng các phương pháp sau:

1) So sánh kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu (bảng chỉ số khi bình phương trên nhóm kiểm chứng) giữa tiêu chuẩn tuyển chọn của luận án đã xây dựng với các tiêu chuẩn do các đơn vị xây dựng và đã được áp dụng tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng kiểm tra của luận án là 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại một số Câu lạc bộ, Trung tâm TDDT có đào tạo VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2) Xác định hiệu quả tuyển chọn: Luận án tiến hành kiểm tra thông qua 18 test và tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng, trên cơ sở đó đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu (thông qua tiêu chuẩn tổng hợp trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12) để xác định hiệu quả tuyển chọn (S_t), hiệu quả tuyển chọn ban đầu (S_0) và hệ số tuyển chọn (P). Luận án căn cứ vào mức độ đánh giá, phân loại “tuyển một - năng khiếu”, “tuyển hai - phong trào” của các Câu lạc bộ và các Trung tâm TDDT xác định, cũng như căn cứ vào số lượng VĐV được giữ lại theo hàng năm, luận án đã so sánh về hiệu quả tuyển chọn (S_t) và hệ số tuyển chọn (P) theo các công thức như đã trình bày ở mục 2.1.5 chương 2. Đối tượng kiểm tra là 100 nam VĐV Cờ vua lứa tuổi 11 - 12 (nhóm kiểm chứng) tại một số Câu lạc bộ, Trung tâm TDDT có đào tạo VĐV Cờ Vua trẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3) Sử dụng phương pháp kiểm tra ngược trên 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (gồm 75 VĐV lứa tuổi 11, 75 VĐV lứa tuổi 12 thuộc nhóm kiểm tra sơ phạm) tại các Trung tâm TDDT, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi kiểm tra sơ phạm, tâm lý và tiến hành đối chiếu với tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng, luận án tiến hành so sánh, đối chiếu với kết quả thi đấu, xếp hạng của các VĐV tại giải vô địch Cờ Vua nhanh Hà Nội mở rộng năm 2024 nhằm xác định độ tin cậy, mức độ chính xác của các tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng.

3.3.2.2. Xác định hiệu quả của các tiêu chuẩn đã xây dựng

Kết quả so sánh tiêu chuẩn xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên nhóm kiểm chứng: (bảng 3.27)

Khi so sánh kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua ở cả 2 lứa tuổi 11, 12 giữa tiêu chuẩn tuyển chọn của luận án xây

dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn của các CLB, các Trung tâm TDDT xây dựng và áp dụng trong quá trình huấn luyện, kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 9.488, 13.277$ ở ngưỡng xác suất từ $P < 0.05$ đến $P < 0.01$.

Bảng 3.27. So sánh kết quả xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa tiêu chuẩn do luận án xây dựng và tiêu chuẩn của các Câu lạc bộ Cờ Vua, Trung tâm TDDT

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Kết quả xếp loại tổng hợp tuyển chọn					χ^2	P
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	31	13	5	1	0	10.310	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		17	16	11	5	1		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	35	8	6	1	0	17.709	<0.01
Các CLB, Trung tâm TDDT		15	16	11	6	2		

Điều đó cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả, mức độ chính xác trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu giữa 2 hệ thống tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng. Nói một cách khác, hệ thống các test, tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu mà luận án xây dựng được đã thể hiện mức độ chính xác, và đem lại hiệu quả trong tuyển chọn cho nam VĐV cờ vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội cao hơn hẳn so với các tiêu chuẩn mà các đơn vị xây dựng, áp dụng trong quá trình huấn luyện.

Xác định hiệu quả của tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 bằng phương pháp xác định hiệu quả tuyển chọn: (bảng 3.28, bảng 3.29)

Bảng 3.28. So sánh số lượng VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Kết quả tuyển chọn				χ^2	P
		Số VĐV tuyển đúng (I)	Số VĐV loại đúng (II)	Số VĐV loại sai (III)	Số VĐV tuyển sai (IV)		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	42	6	2	0	9.666	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		29	12	5	4		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	41	7	2	0	8.816	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		28	17	3	2		

Bảng 3.29. So sánh hiệu quả tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Hiệu quả tuyển chọn			χ^2	P
		Hiệu quả tuyển chọn (S_t)	Hiệu quả tuyển chọn ban đầu (S_0)	Hệ số tuyển chọn (P)		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	100.00%	88.00%	84.00%	6.424	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		87.88%	68.00%	66.00%		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	100.00%	86.00%	82.00%	7.837	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		93.33%	62.00%	60.00%		

Khi so sánh kết quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa tiêu chuẩn đánh giá của luận án đã xây dựng với tiêu chuẩn đánh giá do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDDT xây dựng áp dụng tại các đơn vị, các CLB, kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 7.815$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Theo những số liệu ở bảng 3.28 thì, số VĐV giữ lại và chuyển lên tuyển trên cũng như số VĐV bị thải loại đúng theo tiêu chuẩn của luận án đã xây dựng và tiêu chuẩn hiện hành các đơn vị xây dựng về cơ bản là không có sự khác biệt đáng kể. Nhưng nếu so sánh số VĐV bị thải loại sai và số VĐV giữ nhầm theo 2 cách tuyển chọn thì đã có sự khác biệt rõ rệt, mà sự sai sót, nhầm lẫn chủ yếu là thuộc về cách thức tuyển chọn hiện hành do các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT xây dựng và áp dụng.

Về kết quả so sánh sự khác biệt hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (thông qua hiệu quả tuyển chọn - S_t , hiệu quả tuyển chọn ban đầu - S_0 và hệ số tuyển chọn P) giữa tiêu chuẩn đánh giá của luận án đã xây dựng với tiêu chuẩn đánh giá do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDDT xây dựng áp dụng tại các đơn vị, các CLB cũng cho kết quả có sự khác biệt rõ rệt (kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 5.991$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$).

Kết quả sử dụng phương pháp kiểm tra ngược trên nhóm kiểm tra sự phạm: (bảng 3.30)

Từ kết quả thu được ở bảng 3.30 cho thấy, tổng điểm đạt được và mức xếp loại của các VĐV khi đối chiếu với tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng có sự tương đồng với thành tích thi đấu (tổng điểm đạt được của các ván đấu và thứ hạng đạt được trong giải đấu). Các VĐV có điểm xếp loại theo tiêu chuẩn tuyển chọn cao thì sẽ đạt thành tích thi đấu cao và ngược lại.

Bảng 3.30. Kết quả kiểm tra ngược thông qua tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng - thời điểm sau 1 năm tập luyện

TT	VĐV	Lứa tuổi	Điểm đạt được của các nhóm yếu tố		Tổng điểm tuyển chọn	Xếp loại tuyển chọn	Thành tích thi đấu	
			Năng lực trí tuệ	Năng lực chuyên môn			Tổng điểm	Xếp hạng
1.	N _o 1	11	37.50	49.10	86.60	Tốt	8.0	1
2.	N _o 2	11	37.70	49.30	87.00	Tốt	8.0	1
3.	N _o 3	11	37.20	48.90	86.10	Tốt	7.5	2
4.	N _o 4	11	36.80	48.50	85.30	Tốt	7.5	2
5.	N _o 5	11	35.70	48.10	83.80	Tốt	7.5	3
6.	N _o 6	11	35.50	48.00	83.50	Tốt	7.0	4
7.	N _o 7	11	35.20	47.70	82.90	Tốt	7.0	5
8.	N _o 8	11	35.10	47.50	82.60	Tốt	7.0	6
9.	N _o 9	11	32.30	44.40	76.70	Khá	7.0	7
10.	N _o 10	11	32.40	44.20	76.60	Khá	7.0	7
11.	N _o 11	11	32.30	41.50	73.80	Khá	6.5	8
12.	N _o 12	11	31.70	40.60	72.30	Khá	6.5	8
13.	N _o 13	12	36.70	51.50	88.20	Tốt	8.0	1
14.	N _o 14	12	36.50	51.70	88.20	Tốt	8.0	1
15.	N _o 15	12	35.80	50.60	86.40	Tốt	8.0	2
16.	N _o 16	12	34.80	50.90	85.70	Tốt	7.5	3
17.	N _o 17	12	34.70	50.70	85.40	Tốt	7.5	3
18.	N _o 18	12	34.60	50.50	85.10	Tốt	7.0	4
19.	N _o 19	12	34.50	50.40	84.90	Tốt	7.0	5
20.	N _o 20	12	34.80	50.10	84.90	Tốt	7.0	5
21.	N _o 21	12	33.20	49.30	82.50	Khá	6.5	6
22.	N _o 22	12	33.10	49.20	82.30	Khá	6.5	6
23.	N _o 23	12	32.60	48.30	80.90	Khá	6.5	7
24.	N _o 24	12	30.80	48.10	78.90	Khá	6.5	7
25.	N _o 25	12	30.70	46.10	76.80	Khá	6.0	8

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận:

1. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội còn nhiều hạn chế nhất định về hình thức và phương pháp tuyển chọn, trong đó có đến 60.00% các đơn vị vẫn sử dụng phương pháp tuyển chọn qua kết quả học tập văn hóa và kết quả thi đấu kết hợp với kinh nghiệm của các HLV.

Qua các bước nghiên cứu chặt chẽ, luận án đã xác lập được hệ thống gồm 18 test chuyên môn đặc trưng thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần: năng lực trí tuệ và năng lực chuyên môn đảm đủ bảo độ tin cậy, có giá trị thông báo cao ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn chuyên môn hóa sâu, bao gồm: Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test; nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test.

2. Hai nhóm yếu tố được lựa chọn nêu trên cho phép xác nhận bản chất tác động và ảnh hưởng của từng nhóm tới mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các nhóm yếu tố này có tỷ trọng ảnh hưởng giống nhau theo lứa tuổi của VĐV, trong đó nhóm yếu tố năng lực chuyên môn có mức độ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu lớn hơn so với các nhóm yếu tố năng lực chuyên môn. Mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần đã được xác định và kiểm nghiệm trong thực tiễn công tác tuyển chọn, huấn luyện và kiểm tra - đánh giá của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đảm bảo đủ độ tin cậy cần thiết.

3. Luận án đã xây dựng được 02 bảng phân loại, 02 bảng điểm tổng hợp theo từng test và 01 bảng điểm tổng hợp xếp loại trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần. Các tiêu chuẩn đã xây dựng cho phép đánh giá thuận tiện, chính xác và khách quan mức độ biểu hiện năng khiếu trong tuyển chọn của đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Các tiêu chuẩn tuyển chọn do luận án nghiên cứu hoàn toàn có sự khác biệt đáng kể (ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$) so với tiêu chuẩn hiện hành do các CLB Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng và áp dụng, trong đó ưu việt thuộc về tiêu chuẩn của luận án đã nghiên cứu xây dựng (thể hiện qua các kết quả kiểm tra ngược; các chỉ số đánh giá hiệu quả tuyển chọn: hiệu quả tuyển chọn - S_t , hiệu quả tuyển chọn ban đầu - S_0 , Hệ số tuyển chọn - P).

Kiến nghị:

1. Phương pháp tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu thông qua tiêu chuẩn xây dựng đảm bảo đủ cơ sở khoa học có thể được coi là phương pháp tuyển chọn khoa học, nên được áp dụng rộng rãi tại các câu lạc bộ, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Hệ thống 18 test thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần và các tiêu chuẩn có thể được coi là các nội dung và tiêu chuẩn nên được áp dụng rộng rãi trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình huấn luyện. Đồng thời các test và tiêu chuẩn tuyển chọn này nên được sử dụng rộng rãi trong công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên phạm vi toàn quốc.

3. Trong quá trình kiểm tra - đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, nên được xem xét và theo dõi về nhịp độ tăng trưởng của các test. Nếu có sự chững lại thì phải có sự điều chỉnh về chương trình, kế hoạch và lượng vận động trong thực tiễn huấn luyện.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Lựa chọn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 2/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 8 - 12.
2. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Xác định đặc điểm diễn biến các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 4/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 20 - 24.
3. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 6/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 10 - 15.